

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 20-01-2025.
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Kim Chi.**

2. Bà **Trần Thu Hồng.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quý – kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Châu Thị Hồng L, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: 297/4, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

*Bị đơn: Nguyễn Dương Minh L, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Châu Thị Hồng L trình bày:**

Tôi và anh Nguyễn Dương Minh L sống chung với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Gò, tỉnh T vào ngày 15/12/2015. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Dương Minh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Châu Minh L, sinh ngày

10/9/2016. Hiện nay con chung đang sống chung với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Dương Minh L đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L không đến, tuy nhiên anh L có đơn xin vắng mặt gửi qua đường bưu điện. Tại đơn xin vắng mặt gửi qua đường bưu điện anh L trình bày: Anh L xin được vắng mặt với lý do anh L đang làm việc tại L An, anh L đang ở chức vụ quản lý, công việc cuối năm nhiều, anh L không thể nghỉ làm được và một lý do nữa, anh L rất thương vợ và con, anh L không muốn con thiếu vắng tình cảm của ba và mẹ nên anh L không muốn ly hôn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Châu Minh L, sinh ngày 10/9/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh L có đơn xin vắng mặt xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị L, anh L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L sống chung với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T vào ngày 15/12/2015. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, hiện nay chị L và

anh L đã sống ly thân không còn sống chung. Anh L đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh L không đến, anh L có nộp bản tự khai và đơn xin vắng mặt qua đường bưu điện, anh L không đồng ý ly hôn, vì lý do thương vợ và con, không muốn con thiếu vắng tình cảm của ba và mẹ nên không muốn ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, hiện nay chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh L, chị L cho rằng chị và anh L không thể hàn gắn tình cảm lại với nhau được, chị và anh L hiện nay cũng đã không còn sống chung với nhau, anh L cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm giữa anh L và chị L. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, hôn nhân là dựa trên cơ sở tự nguyện, không thể ép buộc nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh L.

[4]. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Châu Minh L, sinh ngày 10/9/2016, hiện nay đang sống chung với chị L, do chị L đang chăm sóc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định của con chung nên việc chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Thị Hồng L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Châu Thị Hồng L được ly hôn với chị anh Nguyễn Dương Minh L.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Châu Minh L, sinh ngày 10/9/2016 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Anh Nguyễn Dương Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Châu Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0009824 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được căn cứ nên xem như chị L đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi Cục THADS huyện G;
- UBND xã Thạnh Nhựt, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

